

CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP 02 - NGŨ VĂN 8 (HỌC KỲ II)
THƠ HIỆN ĐẠI
(Thời lượng: 6 tiết, Từ tiết 73 đến tiết 78)

I. CƠ SỞ LỰA CHỌN CHỦ ĐỀ .

- Căn cứ khung phân phối chương trình cấp THCS của Bộ Giáo dục và Đào tạo .
- Căn cứ vào “Công văn 3280/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT, ngày 27 tháng 8 năm 2020 để xây dựng chủ đề tích hợp văn bản - làm văn trong học kì II.
- Căn cứ thông tư Số: 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Căn cứ sách giáo khoa và sách giáo viên theo nội dung chương trình hiện hành.

II. THỜI GIAN DỰ KIẾN:

Tổng số tiết của chủ đề: 06 tiết

Số bài: 04 bài.

<i>Tiết</i>	<i>Bài dạy</i>	<i>Ghi chú</i>
73	Những vấn đề chung về chủ đề	
74	Nhớ rừng	
75	Ông đồ	
76	Câu nghi vấn	
77	Câu nghi vấn (tiếp)	
78	Luyện tập - đánh giá chủ đề	

III. MỤC TIÊU CHUNG CỦA CHỦ ĐỀ:

A. MỤC TIÊU CHUNG

- Dạy học theo vấn đề hay chủ đề tích hợp là khai thác sự liên quan, gắn gũi ở nội dung kiến thức và khả năng bổ sung cho nhau giữa các bài học cho mục tiêu giáo dục chung. Các tiết học chủ đề Gv không tổ chức thiết kế kiến thức, thông tin đơn lẻ, mà phải hình thành ở học sinh năng lực tìm kiếm, quản lý, tổ chức sử dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong tình huống có ý nghĩa.
- Thông qua dạy học tích hợp, học sinh có thể vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập hàng ngày, đặt cơ sở nền móng cho quá trình học tập tiếp theo; cao hơn là có thể vận dụng để giải quyết những tình huống có ý nghĩa trong cuộc sống hàng ngày;
- Thông qua việc hiểu biết về thế giới tự nhiên bằng việc vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu giúp các em ý thức được hoạt động của bản thân, có trách nhiệm với chính mình, với gia đình, nhà trường và xã hội ngay trong cuộc sống hiện tại cũng như tương lai sau này của các em;
- Đem lại niềm vui, tạo hứng thú học tập cho học sinh. Phát triển ở các em tính tích cực, tự lập, sáng tạo để vượt qua khó khăn, tạo hứng thú trong học tập.
- Thiết lập các mối quan hệ theo một logic nhất định những kiến thức, kỹ năng khác nhau để thực hiện một hoạt động phức hợp.

- Lựa chọn những thông tin, kiến thức, kỹ năng cần cho học sinh thực hiện được các hoạt động thiết thực trong các tình huống học tập, đời sống hàng ngày, làm cho học sinh hòa nhập vào thế giới cuộc sống.

B. MỤC TIÊU CỤ THỂ CHỦ ĐỀ

1. Kiến thức/ kỹ năng/ thái độ

1.1.Đọc- hiểu

1.1.1. Đọc hiểu nội dung: Qua chủ đề, học sinh hiểu, cảm nhận được những nét chính về Thế Lữ và Vũ Đình Liên (cuộc đời và sự nghiệp thơ văn). Hiểu được giá trị nội dung của hai tác phẩm thơ mới tiêu biểu là **Nhớ rừng** của Thế Lữ và **Ông đồ** của Vũ Đình Liên.

1.1.2. Đọc hiểu hình thức: Hiểu được một số đặc điểm nổi bật của thơ mới: thể loại thơ tự do, thơ không vần, thơ cấu trúc theo bậc thang....Số lượng câu thường không bị giới hạn như các bài thơ truyền thống.Ngôn ngữ bình thường trong đời sống hàng ngày được nâng lên thành ngôn từ nghệ thuật trong thơ, không còn câu thúc bởi việc sử dụng điển cố văn học. Nội dung đa diện, phức tạp, không bị gò ép trong những đề tài phong hoa tuyết nguyệt kinh điển.

1.1.3. Liên hệ, so sánh, kết nối: tiếp cận một số tác phẩm thơ mới của một số nhà thơ khác như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Huy Cận...

- Tìm hiểu sự ảnh hưởng của *thơ mới* tới văn học dân tộc.

1.1.4. Đọc mở rộng: Tự tìm hiểu một số bài thơ mới khác. Đặc biệt tiếp cận với các tác phẩm chuyển thể sang ngâm thơ, phổ nhạc...

1.2.Viết:

-Thực hành viết: Viết được bài văn, đoạn văn nghị luận theo chủ đề có sử dụng câu nghi vấn một cách hiệu quả, sinh động.

- Viết bài văn, đoạn văn cảm nhận về một đoạn ngữ liệu đã học có sử dụng câu nghi vấn làm luận điểm.

1.3. Nghe - Nói

- Nói: Nhập vai hình tượng nhân vật kể chuyện có sử dụng miêu tả và biểu cảm.Trình bày ý kiến về một vấn đề trong bài học bằng một đoạn văn nói.

-Nghe:Tóm tắt được nội dung trình bày của thầy và bạn. Nghe các tác phẩm văn học được chuyển thể sang ngâm thơ, phổ nhạc...

-Nói nghe tương tác: Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ hoặc chia sẻ trước lớp về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận hay tìm hiểu bài học.

2.Phát triển phẩm chất, năng lực

2.1.Phẩm chất chủ yếu:

- **Nhân ái:**Bồi dưỡng tình cảm tự hào và tôn vinh giá trị văn học dân tộc. Biết quan tâm đến số phận con người trong quá khứ đau thương và trân quý cuộc sống hạnh phúc hiện nay.

- **Chăm học, chăm làm:** HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên. Luôn có ý thức học hỏi không ngừng để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

-**Trách nhiệm:** hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, quan tâm đến các vấn đề nóng trong cộng đồng. Biết suy nghĩ và hành động đúng với đạo lý dân tộc và qui định của pháp luật.

2.2. Năng lực

2.2.1. Năng lực chung:

- **Năng lực tự chủ và tự học:** sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

2.2.2. Năng lực đặc thù:

- **Năng lực đọc hiểu văn bản:** Hiểu được các nội dung và ý nghĩa văn bản. Từ đó hiểu giá trị và sự ảnh hưởng của tác phẩm tới cuộc sống.
- **Năng lực tạo lập văn bản:** Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; Trình bày để hiểu các ý tưởng; có thái độ tự tin khi nói; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.

Viết được các đoạn văn, bài văn với những phương thức biểu đạt khác nhau.

- **Năng lực thẩm mỹ:** Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

IV. BẢNG MÔ TẢ CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC VÀ HỆ THỐNG CÂU HỎI, BÀI TẬP.

NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	
		Vận dụng thấp	Vận dụng cao
<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm thơ mới. - Sơ giản về cuộc đời và sự nghiệp của Thế Lữ và Vũ Đình Liên. - Tìm hiểu bố cục văn bản và mạch cảm xúc của bài thơ. - Nắm được được những nét chính về nội dung và nghệ thuật hai bài thơ. - Học thuộc lòng các đoạn thơ hay. - HS nhận biết được đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vấn. - Phát hiện được câu nghi vấn dùng với chức năng chính và chức năng khác. - Đọc lại bài thơ Nhớ rừng và chỉ ra những câu nghi vấn trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra sự khác biệt giữa thơ mới và thơ Đường. Thấy được đặc điểm của các bài thơ được học. - Hiểu, cảm nhận được giá trị hai tác phẩm được học. - Hiểu được bút pháp tương phản, đối lập giữa các hình ảnh thơ trong « Nhớ rừng » và « Ông đồ ». - Hiểu ý nghĩa một số hình ảnh đặc sắc và có ý nghĩa sâu sắc. - Hiểu được chức năng của câu hỏi tu từ trong các tác phẩm văn học. - Hiểu được tư tưởng, tình cảm của các tác giả gửi gắm trong tác phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức, kĩ năng viết đoạn văn bám nhận về ngữ liệu từ văn bản có sử dụng câu nghi vấn. - Xây dựng đoạn hội thoại tuyên truyền phòng chống Covid-19 có sử dụng câu nghi vấn. - Việc mượn “lời con hổ trong vườn bách thú” có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện niềm khao khát tự do mãnh liệt và lòng yêu nước kín đáo của nhà thơ? - Sự đối lập trên gọi cho người đọc cảm xúc gì về nhân vật ông đồ và tâm sự của nhà thơ? - Viết đoạn văn có sử dụng câu nghi vấn về 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng vai con hổ trong bài thơ nhớ rừng và thuật lại tâm trạng tiếc nuối quá khứ. - Hiện nay, tình trạng săn bắt thú rừng quý hiếm (trong đó có loài hổ) đang ở mức báo động... Nêu được giải pháp hạn chế tình trạng đó. - Từ tình cảnh và tâm trạng của con hổ trong bài thơ cũng như của người dân Việt Nam đầu thế kỉ XX, em có suy nghĩ gì về cuộc sống hòa bình tự do ngày nay ... - Tìm hiểu thêm về một số tác giả tác phẩm trong phong

bài thơ. Dấu hiệu nào về mặt hình thức cho biết đó là câu nghi vấn?	-Qua cảnh tượng vườn bách thú và cảnh núi rừng đại ngàn , chỉ ra những tâm sự của con hổ ở vườn bách thú...?	chủ đề cho trước. -Nghe các tác phẩm thơ mới được ngâm và được phổ nhạc.	trào thơ mới (1930-1945).
---	--	---	---------------------------

- *Câu hỏi định tính và định lượng*: Câu tự luận trả lời ngắn, Phiếu làm việc nhóm.

- *Các bài tập thực hành*: Hồ sơ (tập hợp các sản phẩm thực hành).

Bài trình bày (thuyết trình, đóng vai, chuyển thể, đọc diễn cảm, ...)

V. PHƯƠNG TIỆN /HỌC LIỆU

- Giáo viên: Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

+ Thiết kế bài giảng điện tử.

+ Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Video , tranh ảnh, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến chủ đề.

- Học sinh : Đọc trước và chuẩn bị các văn bản SGK.

+ Sưu tầm tài liệu liên quan đến chủ đề.

+ Thực hiện hướng dẫn chuẩn bị học tập chủ đề của GV.

VI. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

- Kỹ thuật động não, thảo luận

- Kỹ thuật trình bày một phút

- Kỹ thuật viết tích cực: Hs viết các đoạn văn, bài văn.

- Gợi mở

- Nêu và giải quyết vấn đề

- Thảo luận nhóm

- Giảng bình, thuyết trình.

VII. NỘI DUNG CHỦ ĐỀ:

Tuần 19 - Tiết 73

Ngày soạn:

Ngày dạy:.....

NHỚ RỪNG

(Thế Lữ)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Hs nắm được kiến thức sơ giản về phong trào thơ mới.

- Học sinh cảm nhận được chiều sâu tư tưởng yêu nước của thế hệ trí thức- niềm khát khao tự do mãnh liệt, nỗi chán ghét sâu sắc cái thực tại tù túng, tầm thường, giả dối được thể hiện trong bài thơ qua lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú.

- Học sinh thấy được hình tượng nghệ thuật độc đáo có nhiều ý nghĩa và bút pháp lãng mạn đầy truyền cảm của nhà thơ.

2. Kỹ năng: Nhận biết tác phẩm thơ lãng mạn. Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn. Phân tích những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

- **KNS cơ bản được giáo dục:** Nhận thức- giao tiếp- tư duy sáng tạo- trình bày một phút...

3 Thái độ: Giáo dục lòng yêu nước, yêu tự do qua bài thơ "Nhớ rừng".

- **Tích hợp giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh:** Lòng yêu nước và khát vọng tự do của Bác

4. Định hướng phát triển năng lực

a. Các phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

b. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

c. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Soạn bài, tư liệu về tác giả, tác phẩm. (Chân dung nhà thơ, tư liệu về cuộc đời, sự nghiệp, lời bình, lời đánh giá về bài thơ.

- Tư liệu, hình ảnh liên quan đến bài học

- **Phiếu học tập 1:**

-Dưới đây là cuộc trò chuyện của ba bạn học sinh về bài thơ Nhớ rừng:

Lan: Đoạn 1 và đoạn 4 đã miêu tả rất ấn tượng cảnh vườn bách thú nơi con hổ bị nhốt.

Hoa: Ở đoạn 2 và đoạn 3, cảnh núi rừng hùng vĩ được tác giả miêu tả ấn tượng hơn.

Mai: Cả hai cảnh tượng này đều được tác giả miêu tả rất ấn tượng, đặc biệt là biện pháp đối lập đã làm nên nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của bài thơ.

Em đồng ý với ý kiến nào? Hãy chọn phân tích cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu trong các câu thơ để chứng minh cho lựa chọn của mình.

- **Phiếu học tập 2 :**

	Hình ảnh con hổ	Nhận xét
Tâm trạng		
Tư thế		

Thái độ		
Hoàn cảnh		
Nghệ thuật		

- Hướng dẫn HS sưu tầm trên mạng về nhà thơ và phong trào Thơ mới.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Soan bài theo hướng dẫn SGK.
- Phân chuẩn bị theo yêu cầu ở tiết trước.

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Kỹ thuật động não, thảo luận:
- Kỹ thuật trình bày một phút:
- Kỹ thuật viết tích cực: Hs viết các đoạn văn .
- PP trực quan, vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề ...

IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG



(1)



(2)



(3)

HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP

(1) Quan sát những hình ảnh trên và cho biết mỗi hình ảnh gợi nhớ tới bài thơ nào trong SGK Ngữ văn 8, tập 2? Đọc một đoạn/bài trong đó mà em tâm đắc nhất?

- Gọi HS trả lời câu hỏi.
- Tổ chức trao đổi, nhận xét, thống nhất ý kiến.
- GV tổng hợp ý kiến, giới thiệu bài.

(1) Ông đồ - Vũ Đình Liên

(2) Quê hương - Tế Hanh

(3) Nhớ rừng - Thế Lữ

HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP

1. Mục tiêu và phân lượng chủ đề tích hợp.

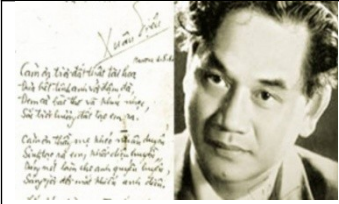
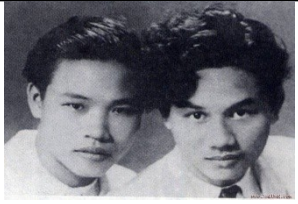
- Chủ đề nhằm tìm hiểu đặc điểm thơ mới, giá trị nghệ thuật và nội dung của hai bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ và “ Ông đồ” của Vũ Đình Liên. Trong đó các câu nghi vấn - câu hỏi tu từ có vai trò quan trọng trong thể hiện cảm xúc của tác giả.
- Học chủ đề, chúng ta thấy được mối quan hệ khăng khít giữa đọc - hiểu văn bản với tiếng Việt và làm văn. Vận dụng kiến thức kỹ năng trình bày suy nghĩ về các vấn đề trong cuộc sống hiện nay.

Chủ đề gồm 6 tiết. Cụ thể:

73	Những vấn đề chung về chủ đề
74	Nhớ rừng
75	Ông đồ
76	Câu nghi vấn
77	Câu nghi vấn (tiếp)
78	Luyện tập - đánh giá chủ đề

2. Những vấn đề chung về thơ mới.

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
THẢO LUẬN CẶP ĐÔI <i>(1) Quan sát những hình ảnh dưới đây và chia sẻ điều em biết về các nhà thơ- tác phẩm liên quan?</i> <i>(2) Em hiểu gì về thơ mới (Chủ thích SGK)</i> - Tổ chức cho HS thảo luận. Quan sát, khích lệ HS. - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm. - GV tổng hợp ý kiến.	-Các nhóm có thể giới thiệu về nhà thơ/ tác phẩm / câu chuyện/ bài hát...liên quan. - <i>Thơ mới lúc đầu dùng để gọi tên 1 thể thơ: thơ tự do. Nó ra đời khoảng sau năm 1930, các thi sĩ trẻ xuất thân "Tây học" lên án thơ cũ (thơ Đường luật khuôn sáo, trói buộc) . Sau thơ mới không còn chỉ để gọi thể thơ tự do mà chủ yếu dùng để gọi 1 phong trào thơ có tính chất lãng mạn (1932 - 1945).</i>

			
(1)Xuân Diệu	(2)Hàn Mặc Tử	(3)Huy Cận(trái)	(4)Thế Lữ

(1)Xuân Diệu: (1916-1985) là một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất trong phong trào Thơ Mới những năm 1935-1945. Nhắc đến Xuân Diệu là nhắc đến "ông hoàng của thơ tình Việt Nam". Thơ của Xuân Diệu như những dòng chảy tâm tình, dạt dào, bao la, rạo rực. Cũng như bao nhà thơ khác trong Thơ Mới, thơ của Xuân Diệu có những nỗi buồn chất chứa, sâu lắng trong từng con chữ. Thế nhưng, ông có một điểm khá đặc biệt và nổi trội hơn hẳn, đó chính là sự nhận thức, ý thức về không gian, thời gian, lí tưởng sống: sống nhanh, sống có ý nghĩa...

Một số tác phẩm nổi tiếng: Vội vàng; Lời kĩ nữ; Đây mùa thu tới

(2)Hàn Mặc Tử: (1912-1940), tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ra ở Quảng Bình và lớn lên ở Quy Nhơn. Có khá nhiều nhạc sĩ, thi sĩ viết về ông, về cuộc đời của ông, bằng tất cả lòng thành mến mộ và kính yêu nhất. Quả thực, Hàn Mặc Tử xứng danh là một trong những người thi sĩ tài hoa bậc nhất trong phong trào Thơ Mới nói riêng, cũng như trong thơ ca Việt Nam nói chung.

Một số tác phẩm nổi tiếng: Đây thôn Vĩ Dạ, Một nửa trăng, Trút linh hồn,...

(3) Huy Cận:(1919-2005) là một trong những thi sĩ xuất sắc trong phong trào Thơ Mới. Ông đồng thời cũng là bạn tâm giao, tri kỉ với nhà thơ Xuân Diệu. Cũng như bao nhà thơ khác trong giai đoạn này, thơ của Huy Cận mang nỗi buồn, sự cô đơn, ray rứt. Đó là nỗi buồn trước thời cuộc, trước sự chênh vênh khi chọn lựa lí tưởng sống cho con đường phía trước, ngay trong thời điểm những năm 1930-1945, khi xã hội đầy những biến động.

Một số tác phẩm nổi tiếng: Buồn đêm mưa, Tràng giang. Chiều xưa,....

(4)Thế Lữ: (1907-1989), tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, là một thi sĩ, nhà văn, đồng thời là nhà hoạt động sân khấu. Ông được biết đến nhiều nhất qua tác phẩm "Nhớ rừng" được sáng tác vào năm 1936. Được xem như một trong những thi sĩ tài hoa của nền thơ ca nước nhà, chúng ta phải công nhận rằng thơ của Thế Lữ đã thổi được vào hồn người đọc, người nghe những cung bậc cảm xúc khó phai.

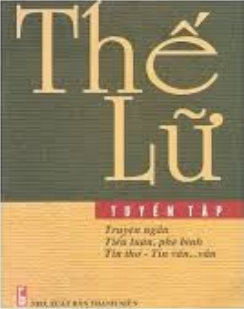
Một số tác phẩm nổi tiếng: Nhớ rừng, Tiếng chuông chùa, Tiếng sáo Thiên Thai...

Những nhà thơ trên cùng Chế Lan Viên, Vũ Đình Liên, Lưu Trọng Lư, Tản Đà, Anh Thơ... là những người tạo nên phong trào thơ mới. Thơ mới là bước chuyển mình vượt bậc, là cuộc

"cách mạng vĩ đại" của thơ ca Việt Nam. Chưa bao giờ trong nền văn học Việt Nam lại xuất hiện nhiều nhà thơ trẻ, với nhiệt huyết say mê và tài năng đến thế. Hôm nay, chúng ta hãy cùng nhìn lại một thời vàng son của thơ ca Việt Nam, cũng như điểm lại những nhà thơ nổi tiếng nhất trong phong trào thơ mới với những người cầm bút, những thi sĩ hào hoa một thời đã góp phần đưa thơ ca Việt Nam vươn lên tầm cao mới

II. TÌM HIỂU CHUNG VỀ THẾ LỮ VÀ BÀI THƠ “NHỚ RỪNG”

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát chú thích SGK. Giới thiệu chứng nét chính về Thế Lữ ? (Yêu cầu học sinh nêu tiểu sử, sự nghiệp sáng tác theo SGK kết hợp với hình ảnh và thông tin đã tìm hiểu ngoài SGK). - Hoàn cảnh sáng tác "Nhớ rừng"? - Gọi HS trình bày và nhận xét. - GV trình chiếu và giới thiệu bổ sung. 	<p>1. Tác giả -</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên thật: Nguyễn Đình Lễ, sau đổi thành Nguyễn Thứ Lễ Bút danh: Lê Ta. <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là bài thơ tiêu biểu của tác giả, tác phẩm góp phần mở đường cho sự thắng lợi của thơ mới.





“Nhớ rừng” là mượn lời con hổ ở vườn Bách thú...

Thế Lữ (10 tháng 6 năm 1907 – 3 tháng 6 năm 1989; tên khai sinh là **Nguyễn Đình Lễ** (có tài liệu khác ghi tên ông là **Nguyễn Thứ Lễ**) là nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động sân khấu người Việt Nam. Thế Lữ nổi danh trên văn đàn vào những năm 1930, với những tác phẩm Thơ mới, đặc biệt là bài Nhớ rừng, cùng những tác phẩm văn xuôi, tiêu biểu là tập truyện Vàng và máu (1934). Trở thành thành viên của nhóm Tự Lực văn đoàn kể từ khi mới thành lập (1934), ông hầu hết hoạt động sáng tác văn chương trong thời gian là thành viên của nhóm, đồng thời cũng đảm nhận vai trò một nhà báo, nhà phê bình, biên tập viên mẫn cán của các tờ báo Phong hóa và Ngày nay.

III. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu- <i>Đọc chính xác, có giọng điệu phù hợp với nội dung cảm xúc của mỗi đoạn thơ: đoạn thì hào hùng, đoạn uất ức</i> - Gọi học sinh đọc bài thơ - Giáo viên kiểm tra việc đọc chú thích của học sinh nhất là các từ Hán Việt, từ cổ. - Bài thơ có mấy đoạn.? Ý mỗi đoạn? <p>THẢO LUẬN CẶP ĐÔI</p>	<p>1. Đọc - chú thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - chú thích: ngạo mạn, oai linh, sơn lâm, cả, ... - Thể thơ: Tám chữ <p>2. Bố cục: - Bài thơ có 5 đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1 và đoạn 4 cảnh con hổ ở vườn bách thú + Đoạn 2 và đoạn 3 con hổ chốn giang sơn hùng vĩ + Đoạn 5: con hổ khao khát giấc mộng ngàn. <p><i>Đồng ý với ý kiến của bạn Mai.</i></p>

-GV giao nhiệm vụ-phiếu học tập . - Tổ chức cho HS thảo luận. - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm. - GV tổng hợp ý kiến.	<i>Tác giả đã dùng thủ pháp đối lập để tạo nên hai cảnh tượng tương phản giữa cảnh vườn bách thú, nơi con hổ bị giam cầm (đoạn 1 và đoạn 4) và cảnh núi non hùng vĩ xưa nơi con hổ từng ngự trị (đoạn 2 và đoạn 3). Đó là sự tương phản giữa cảnh thực tại và cảnh trong dĩ vãng, mộng tưởng. Và thông qua đó thể hiện thành công tâm sự của con hổ: chán ghét thực tại, khao khát tự do.</i>
--	---

3. Phân tích

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
HOẠT ĐỘNG NHÓM - Giao nhiệm vụ - phiếu học tập 2. - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS. - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập - Gv tổng hợp ý kiến-kết luận	a. <u>Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt (đoạn 1)</u>

Dự kiến sản phẩm của học sinh

	Hình ảnh con hổ	Nhận xét
Tâm trạng	- Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt	- Cảm xúc hờn căm kết đọng trong tâm hồn, đè nặng, nhức nhối, không có cách nào giải thoát.
Tư thế	- Nằm dài trông ngày tháng dần qua	- Buông xuôi bất lực, tui cực.
Thái độ	- Khinh lũ người kia ngạo mạn, ...	- Cui thường, khinh ghét
Hoàn cảnh	+ Bị nhục nhằn tù hãm + Làm trò lạ mắt, đồ chơi + Chịu ngang bầy - bọn gấu dờ hoi...cặp báo vô tư lự,	- Nổi nhục nhã, nổi bất bình khi sa cơ, lỡ vận.
Nghệ thuật	<i>Tương phản giữa hình ảnh bên ngoài và nội tâm của con hổ: bên ngoài buông xuôi, phó mặc nhưng cảm xúc hờn căm trong lòng đang trào dâng ngùn ngụt.</i>	

Đoạn thơ là hiện trạng và tình cảnh của con hổ. Nó gậm chứ không phải ngậm nghĩa là như tự mình đang gặm nhấm một khối căm hờn. Tình cảm là một khối căm hờn to lớn, vụn nguyên, chưa thể tan. Cái tư thế nằm dài thể hiện sự chán ngán, bất lực của kẻ **anh hùng khi đã sa cơ cũng hèn** (Nguyễn Du). Trong tình cảnh tui nhục ấy, nó vẫn ý thức được về bản thân, phân biệt mình với con người, và con vật khác. Những câu thơ mở đầu là tâm trạng bi kịch của vị chúa sơn lâm khi sa cơ thất thế. Đặt bài thơ vào thời điểm sáng tác (1934) thì nỗi tui hờn cay đắng của con hổ cũng đồng điệu với bi kịch của nhân dân ta khi đang sống trong xiềng xích, nô lệ.

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
(1) Học sinh đọc thầm đoạn 2. Cảnh sơn lâm được miêu tả qua những chi tiết nào.	<u>b. Nổi nhớ thời oanh liệt</u> - Bóng cả, cây già, gió gào ngàn, nguồn hét núi, thét khúc trường ca dữ dội...

- “Tình thương” và “nỗi nhớ” của con hổ được tái hiện như thế nào?	+ Điệp từ “với”, các động từ chỉ đặc điểm của hành động gợi tả sức sống mãnh liệt của núi rừng đại ngàn, cái gì cũng lớn lao phi thường, bí ẩn
+ Thiên nhiên	- Ta bước chân lên đồng dặc, đường hoàng, lượn tấm thân ... Vờn bóng đều im hơi.
+ Hình ảnh chúa tể muôn loài hiện lên như thế nào?	- Từ ngữ gợi hình dáng- Nhịp thơ ngắn, thay đổi, tính cách con hổ (giàu chất tạo hình) diễn tả cảm xúc vẻ đẹp vừa uy nghi, dũng mãnh vừa mềm mại, uyển chuyển của chúa sơn lâm
(3) Nhận xét về giọng điệu, nhịp thơ? Các hình ảnh thơ? Cảm nhận về vị chúa tể sơn lâm?	
- Gv tổng hợp ý kiến.	

*Thế Lữ khắc họa khúc nhạc rừng hoành tráng, dữ dội điệp từ **nhớ** - cách ngắt nhịp 4-2-2, 5-5, 4-2-2...biến hoá cân xứng đã làm nổi lên nỗi nhớ tiếc khôn nguôi, nhớ cồn cào, nhớ da diết... sự phong phú về tiết tấu, nhạc điệu đã khắc họa đời sống nội tâm vô cùng mạnh mẽ của một nhân vật phi thường từng có quá khứ oanh liệt, đầy uy lực... Nỗi nhớ rừng thiêng, nhớ sức mạnh và quyền uy chính là nỗi nhớ không thể nào nguôi của vị chúa sơn lâm. Đó chính là khát vọng sống, khát vọng tự do cháy bỏng.*

HOẠT ĐỘNG III. LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG

1. Viết một đoạn văn thuyết minh khoảng 5 – 6 câu giới thiệu những thành công của Thế Lữ trong bài thơ *Nhớ rừng* về một trong hai phương diện: nội dung, nghệ thuật.

Tham khảo:

Nhớ rừng là một bài thơ có nhiều thành công về mặt nghệ thuật của tác giả Thế Lữ. Bao trùm bài thơ là cảm hứng lãng mạn với một nguồn cảm xúc sôi nổi, dạt dào. Tác giả đã rất thành công trong việc xây dựng hình tượng con hổ bị giam cầm – một hình tượng nghệ thuật có nhiều tầng ý nghĩa để qua đó bày tỏ tâm sự, tiếng lòng của mình. Nghệ thuật đối lập, tương phản giữa cảnh vườn bách thú, nơi con hổ bị giam cầm (đoạn 1 và đoạn 4) và cảnh núi non hùng vĩ xưa nơi con hổ từng ngự trị (đoạn 2 và đoạn 3) cũng là một nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của tác phẩm. Hình ảnh thơ chọn lọc, gợi cảm, giàu chất tạo hình cùng ngôn ngữ và nhạc điệu phong phú cũng là những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên thành công cho bài thơ *Nhớ rừng*.

2. Gọi học sinh đọc diễn cảm đoạn thơ mà em tâm đắc nhất? Vì sao em thích đoạn thơ đó?

HOẠT ĐỘNG IV. TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

1. Học thuộc lòng bài thơ?

2. Nắm được nội dung và nghệ thuật của đoạn 1 và đoạn 4.- Chuẩn bị tiết 2

Tuần 19 - Tiết 74

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

I. MỤC TIÊU:

(Đã trình bày ở tiết 73)

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Tư liệu, hình ảnh liên quan đến bài học

- Phiếu học tập 1:

NHỚ RỪNG (tiếp)

(Thế Lữ)

Đêm vàng		
Ngày mưa		
Sáng xanh		
Chiều đỏ		
Nghệ thuật		

2. Học sinh

- Soan bài theo hướng dẫn SGK.
- Phần chuẩn bị theo yêu cầu ở tiết trước.

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Kỹ thuật động não, thảo luận:
- Kỹ thuật trình bày một phút:
- Kỹ thuật viết tích cực.
- PP trực quan, vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề ...

IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG

- Đọc thuộc lòng một đoạn thơ trong bài “ Nhớ rừng” mà em tâm đắc nhất?

HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ cho các nhóm - phiếu học tập 1. - Tổ chức cho các nhóm thảo luận. GV quan sát, khích lệ HS. - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận qua phiếu học tập - Gv tổng hợp ý kiến-kết luận 	b.Nỗi nhớ thời oạn liệt (đoạn 3)

Phiếu học tập số 1.

	Hình ảnh con hổ	Nhận xét
Đêm vàng	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Nào đâu</u> những đêm vàng bên bờ suối Ta say mỗi đứng uống ánh trăng tan? 	-> Câu hỏi tu từ- hỏi phiếm chỉ- Kỉ niệm đẹp thuộc về dĩ vãng . Thơ có hoạ- Cảnh vật đầy màu sắc, mộng ảo - <i>Vị chúa sơn lâm say mỗi trong niềm vui hoan lạc giữa đêm trăng bên bờ suối.</i>
Ngày mưa	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Đâu</u> những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới? 	-> Câu hỏi - Nỗi nhớ ngày mưa ngấn ngor man mác, xúc động. Một không gian nghệ thuật hoành tráng của giang san. <i>Vị chúa sơn lâm mang tâm vóc “ bốn phương ngàn”.</i>
Sáng xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Đâu những bình minh cây xanh, nắng gội? Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bùng. 	- Nỗi nhớ cảnh bình minh tràn màu hồng của bình minh, màu vàng nhạt của nắng sớm, màu xanh bạt ngàn của rừng cây- <i>Trong thơ có hoạ.</i> Chúa tể muôn loài say sưa trong khúc nhạc rừng của chim ca- <i>Trong thơ có nhạc-</i> Các thanh bằng liên tiếp. <i>buổi bình minh thơ mộng thần tiên.</i>

Chiều đỏ	- Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng ? Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật.	- Ngôn ngữ thơ tráng lệ- các từ sắc, mạnh, gợi tả cao - Con hổ nhớ khoảnh khắc của hoàng hôn chờ đợi. Trong cái nhìn của mãnh hổ: trời chiều không đỏ rực mà lênh láng máu, mặt trời không lặn mà “chết -> cảnh sắc buổi chiều dữ dội trong phút đợi chờ
Tâm trạng	- Than ôi! thời oanh liệt nay còn đâu?	Câu hỏi tu từ, cảm thán- như khép lại quá khứ- mở ra hiện tại. Vị chúa sơn lâm bừng tỉnh mộng trở về thực tại xiềng xích. Sự kết hợp câu cảm thán - câu hỏi tu từ làm lời thơ dội lên như tiếng than thở đầy nuối tiếc.
Nghệ thuật	<i>-Hệ thống câu hỏi tu từ đầy day dứt, nuối tiếc...</i> <i>-Nhịp thơ ngắn, câu thơ sống động giàu chất tạo hình.</i> <i>-Trên cái phong nền núi rừng hùng vĩ đó, con hổ hiện ra với vẻ đẹp oai phong凛冽, vừa uy nghi dũng mãnh, vừa mềm mại, uyển chuyển.</i>	

Các câu hỏi tu từ liên tiếp xuất hiện như một nỗi niềm lay tỉnh và kêu gọi nỗi nhớ trào lên. Nhớ đêm vàng, nhớ ngày mưa, nhớ sáng xanh, nhớ chiều đỏ,...Các hình ảnh thơ tráng lệ với bốn nỗi nhớ triền miên: ngày đêm, sớm chiều, mưa nắng, thức ngủ...lúc say mồi, khi lặng ngẫm...Một không gian nghệ thuật được miêu tả qua bộ tứ bình của một danh họa. Vị chúa sơn lâm lúc mơ mộng, lúc trầm ngâm chiêm nghiệm, lúc nén xuống, lúc lại kiên nhẫn chờ... Nỗi nhớ rừng cứ như lớp lớp sóng dồi. Trong nỗi đau sa cơ thất thế vẫn có niềm kiêu hãnh, tự hào. Con hổ uy nghi, kiêu hùng,凛冽 nhưng cũng thật đau đớn. -Nghệ thuật tương phản đặc sắc, tương phản giữa hiện thực và hồi ức, đối lập gay gắt giữa thực tại và niềm khao khát tự do mãnh liệt của nhân vật trữ tình

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Gọi Hs đọc đoạn 4 - Vì sao con hổ có tâm trạng ấy ? - Cảnh vườn bách thú hiện ra dưới cái nhìn của con hổ như thế nào ? - Vì sao cảnh đó lại "không đời nào thay đổi"? * Cảnh giả dối, tầm thường do con người tạo nên, đáng chán, khinh, ghét. ? Nhận xét về giọng thơ, về nghệ thuật sử dụng từ ngữ, nhịp thơ. - Tác dụng của những biện pháp ấy? * Giọng giễu nhại, liệt kê, nhịp ngắn → thái độ khinh miệt của con hổ. - Cảnh vườn bách thú và thái độ của con hổ có gì giống với cuộc sống, thái độ của người Việt Nam đương thời? - Yêu cầu học sinh thảo luận và báo cáo kết quả, nhận xét 	<p><u>c. Đoạn 4: Niềm uất hận ngàn thâu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì chán ghét cuộc sống tù túng, khao khát tự do. - Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng... - Dải nước đen giả suối ... - ... mô gò thấp kém; ... học đòi bắt chước → cảnh đáng chán, đáng khinh, đáng ghét. - Tất cả chỉ là người tạo, do bàn tay con người sửa sang, tía tốt nên nó rất đơn điệu, nhàm tẻ, giả dối, tầm thường chứ không phải thế giới của tự nhiên, mạnh mẽ, bí hiểm. - Giọng thơ giễu nhại, sử dụng một loạt từ ngữ liệt kê liên tiếp, ngắt nhịp ngắn, dồn dập → thể hiện sự chán chường, khinh miệt - Học sinh thảo luận nhóm + Cảnh tù túng đó chính là thực tại xã hội đương thời được cảm nhận bởi những tâm hồn lãng mạn. Thái độ ngao ngán, chán ghét cao độ đối với cảnh vườn bách thú của con hổ cũng chính là thái độ

	của họ đối với xã hội
--	-----------------------

Bị sa cơ tù hãm, đau đớn và uất hận, vị chúa sơn lâm căm ghét những cảnh tẻ nhạt, vô vị, tầm thường nhỏ bé. Đau đớn trước thực tại, con hổ chỉ còn biết thả hồn mình theo “ giấc mộng ngàn” và cất tiếng gọi rừng tha thiết nhớ thương.

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc khổ 5 của bài? -Giấc mộng ngàn của con hổ hướng về một không gian như thế nào? -Câu cảm thán mở đầu đoạn và kết đoạn có có ý nghĩa gì? -Từ đó giấc mộng ngàn của con hổ là một giấc mộng như thế nào? - Nỗi đau đó phản ánh khát vọng gì của con hổ? 	<p><u>đ) Khao khát giấc mộng ngàn (khổ 5)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Oai linh, hùng vĩ, thênh thang + Nhưng đó là không gian trong mộng (nơi ta không còn được thấy bao giờ) - Bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ cuộc sống tự do. - Mãnh liệt to lớn nhưng đau xót, bất lực. Đó là nỗi đau bi kịch. → khát vọng được sống chân thật, cuộc sống của chính mình, trong xứ sở của chính mình. Đó là khát vọng giải phóng, khát vọng tự do

Con hổ được nhà thơ nói đến với bao cảm thông và hân mộ. Nỗi nhớ rừng chính là khao khát sống tự do. bài thơ mang hàm ẩn như một lời nhắn gửi kín đáo thiết tha về tình yêu giang san đất nước. Tư tưởng lớn nhất của bài thơ là giá trị của tự do. Hình tượng con hổ nhớ rừng thể hiện xuất sắc tư tưởng vĩ đại ấy. Nói như Hồ Chí Minh:

Trên đời ngàn vạn điều cay đắng

Cay đắng chỉ bằng mất tự do

(Nhật kí trong tù)

HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP	4. Tổng kết
<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu khái quát nội dung - nghệ thuật văn bản? - Gọi HS đọc ghi nhớ -GV khắc sâu kiến thức trọng tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> -Nghệ thuật: - Nội dung: * Ghi nhớ: SGK

Nhà phê bình Hoài Thanh đã ca ngợi Thế Lữ "như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được". Điều này nói lên nghệ thuật sử dụng từ ngữ điêu luyện, đạt đến độ chính xác cao. Chỉ riêng về âm thanh rừng núi, Thế Lữ cho ta nghe thấy *tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi tiếng thét khúc trường ca dữ dội*. Bên trên đã nói đến những điệp ngữ tạo ra sự nuối tiếc quá khứ oanh liệt (*nào đâu, đâu những...*). Cũng có thể thấy câu thơ Thế Lữ miêu tả dáng hiên ngang, hùng dũng, mềm mại của chúa sơn lâm :

Ta bước chân lên, đồng dục, đường hoàng/Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng/Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc có sự nhịp nhàng, cân đối, gợi hình ảnh con hổ khoan thai, mềm mại, với bước chân chậm rãi thật tài tình.Hay câu thơ : *Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng* được viết ngắt nhịp đều nhau, có cấu tạo ngữ pháp giống nhau (C - V), như mô phỏng sự đơn điệu, tầm thường của cảnh vật.

HOẠT ĐỘNG III. LUYỆN TẬP

HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP	
<p>(1)- Chứng minh nhận xét của nhà phê bình văn học Hoài Thanh(sgk)</p> <p>VD: đoạn nói về sự tù túng, tầm thường, giả</p>	<p>(1)- Đó là sức mạnh của cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thơ lãng mạn, cảm xúc mãnh liệt là yếu tố quan trọng hàng đầu. Từ đó kéo theo sự phù hợp của hình thức câu thơ.

đối trong cảnh vườn bách thú. (2) Việc mượn “lời con hổ trong vườn bách thú” có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện niềm khao khát tự do mãnh liệt và lòng yêu nước kín đáo của nhà thơ? - Gọi HS trả lời câu hỏi. - Tổ chức trao đổi, nhận xét ý kiến. - GV tổng hợp ý kiến, kết luận	- ở đây cảm xúc phi thường kéo theo những chữ bị xô đẩy. - Biểu cảm gián tiếp: con hổ → con người. (2) Một lựa chọn rất khéo léo và phù hợp để giúp tác giả thể hiện niềm khao khát tự do mãnh liệt và lòng yêu nước kín đáo của mình.
---	--

- Qua hình ảnh con hổ - vị chúa sơn lâm bị giam cầm trong vườn bách thú, nhà thơ đã thể hiện một cách rất gợi cảm cảnh ngộ bị tước mất tự do, sự sa cơ và u uất của nhân dân ta khi bị mất nước, rơi vào cảnh nô lệ. Con hổ nuối tiếc một thời oanh liệt nơi rừng xanh cũng như chính nhân dân ta nhớ tiếc lịch sử chống giặc hào hùng của dân tộc và khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của nhân dân.

- Trong thời điểm khi tác giả sáng tác bài thơ, các tác phẩm văn nghệ gặp phải sự kiểm soát rất ngặt nghèo của thực dân. Vì vậy, việc mượn “lời con hổ trong vườn bách thú” sẽ giúp tác giả có thể hiện một cách kín đáo, bóng bẩy những tâm sự của mình.

HOẠT ĐỘNG IV. VẬN DỤNG

THẢO LUẬN CẤP ĐỘI -Qua cảnh tượng vườn bách thú (hiện tại) và cảnh núi rừng đại ngàn (quá khứ), chỉ ra những tâm sự của con hổ ở vườn bách thú. Tâm sự ấy phản ánh điều gì ở xã hội Việt Nam đương thời? - Tổ chức cho HS thảo luận. Quan sát, khích lệ HS. - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm. - GV tổng hợp ý kiến.?	-Cuộc sống đơn điệu, vô vị , tù túng trong vườn bách thú - mất tự do -Nỗi nhớ thời tự do đầy uy lực-khát vọng tự do, nhớ những năm tháng oai hùng của lịch sử... -Nỗi bất hoà với cuộc sống thực tại và khao khát tự do?
--	--

Tâm sự của con hổ qua cảnh tượng vườn bách thú tù túng, chật hẹp, đơn điệu, tẻ nhạt, vô vị:

- Sự chán nản, ngao ngán, khinh ghét khi phải sống ngang bầy cùng với "bọn gấu dở hơi", với "cặp báo chuông bên vô tư lự".

- Phẫn uất, căm giận trước những con người "ngạo mạn ngẩn ngơ", u uất, uất hận, bất lực trước cảnh giam hãm tù túng, những cảnh "tầm thường giả dối" ở vườn bách thú.

Tâm sự của con hổ qua cảnh núi rừng đại ngàn:

- Tâm trạng hoài niệm, nuối tiếc ngậm ngùi về một thời oanh liệt, hào hùng. Khi thì dằn vặt, khi lại thiết tha, khao khát trở lại những năm tháng tươi đẹp xưa.

Tâm sự ấy của con hổ cũng chính là tâm trạng của nhà thơ cùng những người dân Việt Nam mất nước lúc bấy giờ. Họ bất lực và chán chường cuộc sống trong cảnh nô lệ đầy tù túng, ngột ngạt, không có tự do. Họ bất hòa sâu sắc với xã hội và họ khao khát tự do, nhớ tiếc một “thời oanh liệt” với những chiến công chống giặc ngoại xâm hiên hách của dân tộc.

HOẠT ĐỘNG V. TÌM TÒI, SÁNG TẠO

(1) Đóng vai con hổ trong bài thơ *Nhớ rừng* và thuật lại tâm trạng tiếc nuối quá khứ (Chia sẻ với người thân)

Ví dụ tham khảo: Ta là một con hổ đang bị giam cầm trong vườn bách thú để làm món “đồ chơi” cho bọn người nhỏ bé, ngạo mạn, ngẩn ngơ ngăm nhìn. Trong quá khứ ta đã từng là chúa tể của sơn lâm, là vị vua của nơi rừng già oai linh, hùng vĩ. Ôi chao! Ta thật nhớ nhung những năm tháng hào hùng, anh liệt ấy làm sao. Ta khao khát được trở về nơi chốn xưa, nơi núi rừng

đại ngàn thâm nghiêm, bí ẩn với bóng cả, cây già, âm thanh của gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi. Ở giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi ấy, ta chính là chúa tể của cả muôn loài. Thật nuối tiếc làm sao những kỉ niệm của một thời vàng son oanh liệt. Những đêm vàng bên bờ suối, ta say mê đứng uống ánh trăng tan. Những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn, ta lặng ngắm giang sơn của ta đổi mới. Những khi bình minh cây xanh nắng gội chan hòa, ta thức dậy giữa rộn rã tiếng chim ca. Và khi mặt trời khuất bóng, màn đêm buông xuống, ta sẽ chiếm lấy riêng phần bí mật của rừng đêm. Nhưng đâu quá khứ ấy có huy hoàng đến mấy thì giờ cũng chỉ còn là dĩ vãng.

(2) Nhóm em hãy chuẩn bị nội dung để tham gia hội thảo “BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ - LOÀI HỒ”. - Báo cáo vào tiết tổng kết.

(3) Soạn bài thơ: Ông đồ.

+ Suur tâm - giới thiệu về tác giả Vũ Đình Liên

+ Thống kê các câu hỏi tu từ và tìm hiểu chức năng của câu cũng như vai trò trong tác phẩm?

Tuần 19 Tiết 75

Ngày soạn:

Ngày dạy:.....

ÔNG ĐỒ

Vũ Đình Liên

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- HS nắm được sự thay đổi trong đời sống xã hội và sự nuối tiếc của nhà thơ đối với những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc đang dần bị mai một. Học sinh hiểu được thể thơ ngũ ngôn và cách đọc văn bản thơ này. Thấy được lối viết bình dị mà gợi cảm của nhà thơ.

2. Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức bài học để nhận biết một tác phẩm thơ lãng mạn. Đọc diễn cảm tác phẩm, phân tích những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu.

- **KNS cơ bản được giáo dục:** Nhận thức, giao tiếp, tư duy sáng tạo, trình bày một phút..

3 Thái độ: Trân trọng và gìn giữ những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc.

4. Định hướng phát triển năng lực

a. Các phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

b. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

c. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

II . CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Soạn bài, tư liệu về tác giả, tác phẩm. (Chân dung nhà thơ, tư liệu về cuộc đời, sự nghiệp, lời bình, lời đánh giá về bài thơ.

- Tranh vẽ ông đồ của tác giả Bùi Xuân Phái, một số tư liệu về ông đồ hiện đại.

- Hướng dẫn HS sưu tầm trên mạng.

- Phiếu học tập: Hoàn thiện bảng dưới đây để thấy được những điểm đối lập của hình ảnh ông đồ trong bài thơ.

Nội dung	Quá khứ	Hiện tại
Thời gian/Không gian		
Tình cảnh ông đồ		
Tâm trạng ông đồ		
Nhận xét		

2. Chuẩn bị của học sinh

- Soạn bài, tìm hiểu về nghệ thuật chơi câu đối Tết của người xưa.
- Tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm trên mạng theo hướng dẫn của GV

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Động não, HS trao đổi, thảo luận về nội dung, bài học
- PP phân tích, thực hành, vấn đáp, nêu vấn đề...

IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG

- Quan sát hình ảnh và cho biết em hiểu gì về những hình ảnh này?



Giới thiệu bài: nhân vật ông đồ là người nho học nhưng không đỗ đạt sống thanh bần bằng nghề dạy học. Theo phong tục khi tết đến, người ta sắm câu đối hoặc đôi chữ viết trên giấy đỏ dán lên vách, lên cột vừa để trang hoàng vừa để gửi gắm lời cầu chúc tốt lành. Ông đồ là người viết thuê. Đầu thế kỉ XX, nền Hán học và chữ nho ngày càng mất vị trí quan trọng. "Ông đồ chính là cái di tích tiêu tuỵ đáng thương của một thời tàn" (Thi nhân Việt Nam). Giới thiệu ảnh chân dung Vũ Đình Liên.

HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Giới thiệu chung:

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP - HD HS đọc thầm chú thích SGK ? (1) Cho biết những nét chính về tác giả ? (2) Em hiểu gì về tác phẩm? Em biết thêm truyện nào của ông? - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi	1-Tác giả:- - Vũ Đình Liên (1913 - 1996) -Quê ở Hải Dương nhưng sống chủ yếu ở Hà Nội -Ông là 1 trong những nhà thơ đầu tiên trong phong trào thơ mới -Thơ ông mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ

<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia nhận xét, bổ sung... - GV tổng hợp, bổ sung- giới thiệu hình ảnh minh họa. 	2-Tác phẩm: -Là bài thơ tiêu biểu -Bài thơ đã đưa vị trí của tác giả trong phong trào thơ mới
---	---



Vũ Đình Liên (12 tháng 11 năm 1913 – 18 tháng 1 năm 1996), là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới, nhà giáo nhân dân Việt Nam. Những bài thơ hiếm hoi được biết đến của ông đều mang nặng nỗi niềm hoài cổ, về lũy tre xưa, về thành quách cũ và "những người muôn năm cũ". Thơ ông thường mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ. Bài thơ *Ông Đồ* của ông được một nhà phê bình văn học xem là một trong mười bài thơ tiêu biểu cho phong trào Thơ Mới". Hoài niệm của ông cũng là nỗi niềm của nhiều người và bức tranh bằng thơ về *Ông Đồ* vẫn sẽ còn tồn tại với thời gian. Ngoài sáng tác thơ, ông còn nghiên cứu, dịch thuật, giảng dạy văn học.

II-Đọc hiểu tác phẩm:

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP -GV hướng dẫn HS đọc -Gv đọc mẫu 1 đoạn – Gọi HS đọc -GV – HS theo dõi nhận xét và sửa chữa - Đọc thầm chú thích. - Tìm bố cục của bài thơ? .	1. Đọc - chú thích: - Giọng hơi trầm, buồn thể hiện tâm trạng của nhân vật ông đồ -Chú ý nhịp thơ 2/3 2. Bố cục: + 4 khổ có hình ảnh ông đồ ngồi viết câu đối thuê, 2 khổ đầu tương phản với 2 khổ cuối. + Khổ cuối là sự vắng bóng của ông đồ và băng khuâng nhớ tiếc của nhà thơ.

3 phân tích

a.Hình ảnh đối lập của hình ảnh ông đồ trong bài thơ.

Nội dung	Hai khổ đầu	Hai khổ tiếp
Thời gian Không gian	Mỗi năm hoa đào nở Ông đồ già -mực tàu-giấy đỏ Phố đông người qua =>Khung cảnh đông vui, náo nức khi xuân về	- Nhưng mỗi năm mỗi vắng => Ông vẫn xuất hiện vào dịp tết với mực tàu, giấy đỏ ... => Khung cảnh vắng vẻ
Tình cảnh của ông đồ	Bao nhiêu người thuê viết Tám tắc ngợi khen tài -> ông đồ được mọi người trọng vọng, ngưỡng mộ tài năng	-Người thuê viết nay đâu?=>câu hỏi =>cảnh tượng vắng vẻ đến thê lương -Ông đồ vẫn ngồi đấy /không ai hay -> Ông đồ đã bị mọi người lãng quên

Tâm trạng của ông đồ	<i>Hoa tay thảo những nét Như phượng múa rồng bay</i> -> tâm trạng đầy đắc ý vì được trọng vọng, ông mang hết tài năng của mình ra hiển dương cho cuộc đời.	<i>Giấy đỏ buồn không thắm Mực đọng trong nghiên sâu</i> -> Nhân hóa-tâm trạng bế bàng, sầu tủi. <i>Lá vàng rơi trên giấy-Ngoài giờ mưa bụi bay->Tả cảnh ngụ tình- ảm đạm, lạnh lẽo của ngoại cảnh và tâm cảnh.</i>
Nhận xét	- <i>Hình ảnh đối lập=> Sự suy tàn của một phong tục đẹp và một lớp người đang dần rơi vào quên lãng.</i>	

Đọc lại hai khổ thơ đầu ta như thấy trước mắt mình cái cảnh nhộn nhịp, tưng bừng của ngày tết xưa. Đây đây là tiếng gọi nhau thăm hỏi, đâu đó là tiếng chào mời đón đưa của muôn người. Và ông đồ trên các góc phố, dưới tán cây che, chân dậm giấy, tay đưa nét bút thần kì như “phượng múa rồng bay” trước sự trầm trồ, thán phục của bao người.

Từ một khung cảnh náo nhiệt, trong sự tôn vinh tột độ, đột nhiên ông đồ rơi vào nghịch cảnh đáng thương. Vẫn là sân khấu ấy nhưng ông đồ đã mất hết người xem, một mình độc diễn vở kịch buồn. Dường như Vũ Đình Liên đã cảm nhận thấy, đã dẫm lên cái đường ranh mong manh, mơ hồ mà tàn nhẫn của thời gian giữa thời đại cũ và thời đại mới. Ông đồ gắng gượng núi kéo cái tinh hoa một thời trong lòng người một cách bất lực nhưng không từ bỏ. Ở đây, dấu chưa đạt đến trình độ đưa “*cái thần*” vào chữ viết như một tay tử tù của thời vang bóng, ít ra ông đồ cũng còn lại những ngón tay hoa. Hình ảnh ông đồ nhạt nhòa trong không gian và thời gian khiến người đọc thổn thức niềm thương cảm.

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
THẢO LUẬN CẶP ĐÔI Sự đối lập trên gợi cho người đọc cảm xúc gì về nhân vật ông đồ và tâm sự của nhà thơ? - Tổ chức cho HS thảo luận. Quan sát, khích lệ HS. - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm. - GV tổng hợp ý kiến.	- Cảm xúc xót thương, thương cảm cho tình cảnh của ông đồ. Từ người là trung tâm của sự chú ý, được xã hội trọng vọng, nay ông đã bị gạt ra rìa của cuộc sống và bị mọi người quên lãng. - Câu hỏi được đặt ra nhưng không phải để hỏi, nó như một lời tiếng than nhằm bộc lộ niềm tiếc thương, day dứt hết sức chân thành của tác giả trước sự suy vi của Nho học đương thời.

b. Tâm tư của tác giả

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
- Khổ đầu và khổ cuối có gì giống và khác nhau? * Kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ. - Ý nghĩa của sự giống và khác nhau đó? - Thiên nhiên ở 2 câu cuối? Tâm tư của tác giả? * <i>Nhà thơ thương cảm cho những nhà nho, thương tiếc những giá trị tinh thần tốt đẹp bị tàn tạ, lãng quên.</i>	- Giống: đều có hình ảnh hoa đào nở. - Khác: ông đồ xuất hiện như lệ thường - không còn hình ảnh ông đồ. → Kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ thể hiện chủ đề tác phẩm. Thiên nhiên vẫn đẹp đẽ, con người trở thành xưa cũ. - (?) tu từ thể hiện nỗi niềm thương tiếc khắc khoải của nhà thơ. Câu hỏi như gieo vào lòng người đọc những cảm thương, tiếc nuối không dứt. Nhà thơ thương tiếc những giá trị tinh thần tốt đẹp bị tàn tạ, lãng quên.

Câu thơ theo sau đó như uất nghẹn trước tin dữ: “*Không thấy ông đồ xưa*” khép lại một cơn mê, để rồi nhà thơ tự hỏi: “*Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ?*”. Vũ Đình Liên đã không thể trả lời. Ông gửi niềm ưu tư ấy vào thời gian và mong tìm kiếm một sự đồng cảm ở người đọc. Ông đau đáu nhìn vào dòng đời đang trôi chảy như một kẻ mất hồn mong tìm thấy bản thể. Cũng cảnh cũng người nhưng người và cảnh đâu dễ thành thơ, nếu nhà thơ không là kẻ tri âm hay đồng điệu.

4. Tổng kết

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét của nhà thơ.? Ngôn ngữ, kết cấu, thể thơ? - Gọi HS nêu khái quát nội dung - nghệ thuật văn bản? - Gọi HS nhận xét. -Gọi HS đọc ghi nhớ - GV khắc sâu kiến thức trọng tâm 	<p>1. Nghệ thuật - Thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ, mỗi khổ 4 câu thích hợp nhất với việc diễn tả tâm tình sâu lắng Kết cấu câu giản dị, chặt chẽ.</p> <p>- Ngôn ngữ trong sáng, bình dị, hàm súc, dư ba</p> <p>2. Nội dung - Tình cảm đáng thương của ông đồ.</p> <p>- Niềm thương cảm chân thành của nhà thơ</p> <p>*Ghi nhớ: SGK</p>

Những đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ:

- *Nghệ thuật dựng cảnh tương phản: Một bên tập nập đông vui, một bên buồn bã, hiu hắt. một bên nét chữ cũng như bay múa : phượng múa, rồng bay ; bên kia cả giấy cũng buồn, cả mực cũng sầu, thêm nữa lại kèm lá vàng, mưa bụi.*
- *Bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc, vừa tả cảnh, vừa gợi lên được tâm trạng của con người.*
- *Thể thơ ngũ ngôn quen thuộc kết hợp với những hình ảnh thơ đẹp và gợi cảm. Ngôn ngữ thơ bình dị, trong sáng nhưng ẩn chứa đầy cảm xúc.*
- *Kiểu kết cấu đầu cuối tương ứng. Cũng là thời gian ngày áp tết, cũng là không gian mùa xuân, cũng vẫn có hoa đào nở. Nhưng hình ảnh ông đồ thì cứ nhạt nhòa dần và cuối cùng là không thấy nữa. Ông đã thành "ông đồ xưa".*

HOẠT ĐỘNG III. LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
<p>1. Ý nghĩa văn bản Ông đồ?</p> <ul style="list-style-type: none"> -Gọi HS trả lời miệng -HS nhận xét, bổ sung. <p>2. Em hiểu gì về Ông đồ?</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS chia sẻ hiểu biết về ông đồ? - GV bổ sung ý kiến 	<p>-Văn bản Ông đồ thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ và niềm cảm thương, nuối tiếc của tác giả đối với một lớp người, một nét sinh hoạt văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.</p> <p>-Ông đồ là người theo học chữ nho nhưng không đỗ đạt, sống bằng nghề dạy học chữ nho, ngày tết thường viết chữ viết câu đối thuê.</p>

Đọc thêm:

Ông đồ là một trong những bài thơ lãng mạn tiêu biểu, từ bài thơ này em hiểu thêm đặc điểm nào trong thơ lãng mạn Việt Nam. (Nội dung nhân đạo và nỗi niềm hoài cổ)

Ông đồ là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên. Tuy sáng tác thơ không nhiều nhưng chỉ với bài *Ông đồ*, Vũ Đình Liên đã có vị trí xứng đáng trong phong trào Thơ mới. Ông đồ là người dạy học chữ nho xưa. Nhà nho xưa nếu không đỗ đạt làm quan thì thường làm nghề dạy học, gọi là ông đồ, thầy đồ. Mỗi dịp Tết đến, ông đồ thường được nhiều người thuê viết chữ, câu đối để trang trí trong nhà. Nhưng từ khi chế độ thi cử

phong kiến bị bãi bỏ, chữ nho không còn được trọng, ngày Tết không mấy ai sắm câu đối hoặc chơi chữ, ông đồ trở nên thất thế và bị gạt ra lề cuộc đời. Từ đó, hình ảnh ông đồ chỉ còn là “cái di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn” (lời Vũ Đình Liên).

HOẠT ĐỘNG IV. TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

- Học thuộc bài thơ và ghi nhớ của bài, cảm nhận chi tiết hình ảnh độc đáo.
- Soạn bài "Hai chữ nước nhà" theo yêu cầu SGK.
- Viết đoạn văn thuyết minh khoảng 7 – 10 câu theo cách diễn dịch giới thiệu về bố cục của bài thơ ông đồ.

Tuần 19 -Tiết : 76

CÂU NGHI VẤN

Ngày soạn:

Ngày dạy:.....

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Học sinh hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn với các kiểu câu khác.
- Nắm vững chức năng chính của câu nghi vấn: dùng để hỏi.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của câu nghi vấn trong văn bản cụ thể- Phân biệt câu nghi vấn với các kiểu câu khác- Rèn kỹ năng sử dụng câu nghi vấn trong nói và viết.
- **KNS cơ bản được giáo dục:** giao tiếp, nhận thức, hợp tác...

3 Thái độ : Rèn ý thức tích cực học tập cho HS.

*** Phát triển năng lực:** Hiểu và sử dụng ngôn ngữ phù hợp, có hiệu quả trong GT, theo 4 KN đọc, viết, nghe, nói.

4. Định hướng phát triển năng lực:

a. Các phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

b. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

c. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên.

- SGK, SGV, chuẩn kiến thức - kỹ năng, giáo án.
- GV : Phiếu học tập 1:

Đặc điểm	Đặc điểm hình thức		Chức năng	
	Từ ngữ	Kết thúc câu	Chức năng chính	Chức năng khác
Kiểu câu				
Câu nghi vấn				

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập
- Ôn lại kiểu câu nghi vấn đã học ở tiểu học.

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Động não, HS trao đổi, thảo luận về nội dung, bài học
- PP phân tích, thực hành , vấn đáp, nêu vấn đề...
- Sơ đồ tư duy.

IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

HOẠT ĐỘNG I. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
(1) Dấu hiệu nhận biết câu nghi vấn em đã học ở tiểu học?	-Câu có từ để hỏi và kết thúc bằng dấu hỏi chấm.
(2) Đọc thuộc lòng đoạn thơ có nhiều câu hỏi nhất trong bài Nhớ rừng của Thế Lữ?	-HS đọc.

Trong giao tiếp hàng ngày và trong văn chương nghệ thuật, câu nghi vấn được dùng khá phổ biến. Vậy câu có đặc điểm hình thức và chức năng như thế nào?

HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho HS quan sát ngữ liệu. - Trong đoạn trích trên câu nào là câu nghi vấn. <p>THẢO LUẬN CẶP ĐÔI</p> <p>-GV giao phiếu học tập 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS thảo luận. Quan sát, khích lệ HS. - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm. - GV tổng hợp ý kiến. - Những câu nghi vấn trên dùng để làm gì? -Hãy đặt các câu nghi vấn (làm việc theo nhóm): Một bạn hỏi và một bạn trả lời? => Nhận xét: +Câu hỏi chuẩn - hay? + Câu trả lời ? - Khái quát kiến thức. Đọc ghi nhớ - Tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung... 	<p><u>I. Đặc điểm hình thức và chức năng chính</u></p> <p><u>1. Ví dụ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Sáng nay người ta đâm u có đau lắm không? + Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai ? + Hay là u thương chúng con đói quá ? <p><u>2. Nhận xét:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Dấu chấm hỏi, những từ nghi vấn: có ... không; (làm) sao, hay (là) -Chức năng: Để hỏi (bao gồm cả tự hỏi như câu: "Người đầu gặp gỡ làm chi . Trăm năm biết có duyên gì hay không ?") <p><u>3. Kết luận :</u></p> <p>*Ghi nhớ: SGK</p>

Dự kiến sản phẩm của học sinh.

Đặc điểm	Đặc điểm hình thức		Chức năng	
	Từ ngữ	Kết thúc câu	Chức năng chính	Chức năng khác
Câu nghi vấn	có các từ nghi vấn (đâu, ai, ...)	bằng dấu chấm hỏi (?).	-Dùng để hỏi, nêu điều thắc mắc cần giải đáp	

HOẠT ĐỘNG III. LUYỆN TẬP

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
----------------------------------	------------------

<ul style="list-style-type: none"> - Xác định câu nghi vấn trong những đoạn trích sau? - Những đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn? <p>-Gọi HS nhận xét- GV kết luận</p>	<p><u>Bài tập 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chị khát tiền sưu ... phải không ? b) Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? c) Văn là gì ? Chương là gì ? d) Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?
<ul style="list-style-type: none"> - Xét các câu và trả lời câu hỏi; Căn cứ vào đâu để xác định những câu trên là câu nghi vấn? - Cho học sinh thay từ hoặc vào vị trí từ "hay" để nhận xét.? -GV chốt : Lưu ý dùng từ nghi vấn phù hợp mục đích giao tiếp. 	<p><u>Bài tập 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - a, b, c: có từ "hay không" (từ "hay" cũng có thể xuất hiện trong các câu khác, nhưng riêng trong câu nghi vấn từ hay không thể thay thế bằng từ hoặc được. Nếu thay từ hay trong câu nghi vấn bằng từ hoặc thì câu trở nên sai ngữ pháp hoặc biến thành một câu khác thuộc kiểu câu trần thuật và có ý nghĩa khác hẳn)
<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập 3 - Có thể đặt dấu chấm hỏi ở cuối những câu sau được không ? Vì sao ? - Giáo viên lưu ý học sinh phân biệt từ phiếm định và từ nghi vấn. 	<p><u>Bài tập 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không vì đó không phải là câu nghi vấn + Câu a và b có các từ nghi vấn như: có .. không, tại sao nhưng những kết cấu chứa những từ này chỉ làm chức năng bổ ngữ trong 1 câu. + Trong câu c, d thì: nào (cũng), ai (cũng) là những từ phiếm định
<p><u>Lưu ý:</u> Những cụm từ ai cũng, gì cũng, nào cũng, sao cũng, đâu cũng, bao giờ cũng, ... → ý nghĩa khẳng định tuyệt đối, chứ không phải là câu nghi vấn.</p>	
<p>Phân biệt hình thức và ý nghĩa của hai câu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Anh có khoẻ không ? + Anh đã khoẻ chưa ? - Giáo viên cho học sinh 4 câu sau và yêu cầu học sinh phân biệt đúng sai. 	<p><u>Bài tập 4</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Khác nhau về hình thức: có...không, đã... chưa. - Khác nhau về ý nghĩa: Câu thứ hai có giả định là người được hỏi trước đó có vấn đề sức khoẻ, còn câu 1 thì không có giả định này. + Cái áo này có cũ lắm không ? (Đ) + Cái áo này đã cũ lắm chưa ? (Đ) + Cái áo này có mới lắm không ? (Đ) + Cái áo này đã mới lắm chưa ? (S)

HOẠT ĐỘNG IV. VẬN DỤNG

1- Giáo viên hướng dẫn học sinh Thảo luận nhóm so sánh các cặp câu.

Phân biệt từ nghi vấn và từ phiếm định (phiếm chỉ)?

<ul style="list-style-type: none"> +Tôi không biết nó ở đâu. + Chúng ta không thể nói tiếng ta đẹp như thế nào + Ai cũng biết. +Nó không tìm gì . + Ở đâu cũng bán cá. 	<ul style="list-style-type: none"> +Nó ở đâu ? +Tiếng ta đẹp như thế nào? +Ai biết ? +Nó tìm gì ? + Cá bán ở đâu?
<p>Các từ in nghiêng là từ phiếm định (phiếm chỉ).</p>	<p>Các từ in nghiêng là từ nghi vấn</p>

2-Xây dựng đoạn hội thoại về chủ đề phòng chống Covid - 19?

Hoạt động của giáo viên-học sinh	Nội dung cần đạt
THẢO LUẬN CẶP ĐÔI	Ví dụ:

(1) Hãy chọn một bạn và chia sẻ thông tin phòng chống Covid-19, trong đó có sử dụng câu nghi vấn? - Tổ chức cho HS thảo luận. Quan sát, khích lệ HS. - Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm. - GV tổng hợp ý kiến về nội dung hội thoại, các lượt lời và sử dụng câu nghi vấn.	Trên đường đến trường, An thấy Bình hắt hơi mấy lần. -An:Cậu làm sao vậy? Có bị sốt không? -Bình:..... -An:..... -Bình:..... -An:.....
--	--

HOẠT ĐỘNG V. TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

1. Liệt kê các câu nghi vấn trong bài “ Nhớ rừng” và cho biết các câu chúng có gì khác các câu hỏi thông thường vừa học?

GV: Trong văn chương cũng như giao tiếp người ta thường sử dụng các câu hỏi không cần câu trả lời để bộc lộ cảm xúc, khẳng định hay phủ định một điều gì. Đó gọi là câu hỏi tu từ. Như kết thúc bài “ Ông đồ” câu hỏi: “ Những người muôn năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ” đã gieo vào lòng người đọc niềm thương cảm với một lớp người như ông đồ và một phong tục đẹp của dân tộc đã rơi vào quên lãng...

2. Làm bài tập 5, 6 SGK tr13,

3. Xem trước bài "câu nghi vấn" (tiếp theo)

Tuần 20 -Tiết : 80

CÂU NGHI VẤN (T2)

Ngày soạn:

Ngày dạy:.....

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Học sinh hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn với các kiểu câu khác. - Nắm vững chức năng chính của câu nghi vấn: dùng để hỏi.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của câu nghi vấn trong văn bản cụ thể- Phân biệt câu nghi vấn với các kiểu câu khác- Rèn kỹ năng sử dụng câu nghi vấn trong nói và viết.

- **KNS cơ bản được giáo dục:** giao tiếp, nhận thức, hợp tác...

3 **Thái độ** : Rèn ý thức tích cực học tập cho HS.

* **Phát triển năng lực:** Hiểu và sử dụng ngôn ngữ phù hợp, có hiệu quả trong GT, theo 4 KN đọc, viết, nghe, nói.

4. Định hướng phát triển năng lực:

a. Các phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

b. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

c. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên.

- SGK, SGV, chuẩn kiến thức - kỹ năng, giáo án.

2. Học sinh: Xem trước bài ở nhà.

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC :

- Quan sát mẫu- Phân tích tình huống- thực hành vận dụng.

IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

HOẠT ĐỘNG I: KHỞI ĐỘNG

-Liệt kê các câu hỏi có trong bài “ Ông đồ” và cảm nhận của em về mỗi câu hỏi tu từ ấy?

=> Gv tổng kết câu trả lời của học sinh và giới thiệu bài.

HOẠT ĐỘNG II: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

III. Chức năng khác

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
-Gọi HS đọc ví dụ SGK - Trong những đoạn trích trên, câu nào là câu nghi vấn? - Yêu cầu học sinh xác định và trình bày. - Giáo viên đánh giá. - Xác định chức năng của câu nghi vấn trong các đoạn trích? - Giáo viên treo bảng phụ ghi câu hỏi trắc nghiệm để học sinh lựa chọn rồi nói: - Trong phần a câu nghi vấn dùng để làm gì? 1. Cầu khiến ,2. Khẳng định, 3. Phủ định, 4. Đề dọa 5. Bộc lộ tình cảm, cảm xúc. * Câu nghi vấn được dùng để bộc lộ cảm xúc, tình cảm, đe dọa, khẳng định, ... - Nhận xét về dấu kết thúc các câu nghi vấn trong các đoạn trích trên? - Như vậy chức năng khác của câu nghi vấn là gì? - Dấu kết thúc của câu nghi vấn trong những trường hợp không dùng để hỏi? - Xác định câu nghi vấn? - Khái quát lại các đặc điểm về hình thức và chức năng khác của câu nghi vấn? -Gọi HS đọc ghi nhớ. - GV tổng hợp, khắc sâu kiến thức	1. Ví dụ - Học sinh đọc ví dụ trong SGK. - Đoạn (a): Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ? -Đoạn (b):Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? - Đoạn (c): Có biết không? Lính đâu ? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy ? Không còn phép tắc gì nữa à ? - Đoạn (d): cả đoạn trích - Đoạn (e): Con gái tôi vẽ đây ư ? Chả lẽ lại đúng là nó, cái con mèo hay lục lọi ấy ! 2. Nhận xét: - Học sinh nói các phần với chức năng của câu nghi vấn hoặc học sinh lựa chọn đáp án đúng. - Đ(a): bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự hoài niệm, tiếc nuối) - Đ(b): đe dọa - Đ(c): cả 4 câu đều dùng để đe dọa - Đ(d): khẳng định. - Đ(e): cả 2 câu đều bộc lộ cảm xúc (sự ngạc nhiên) - Không phải tất cả các câu nghi vấn đều kết thúc bằng dấu chấm hỏi. Câu nghi vấn thứ hai ở (e) kết thúc bằng dấu chấm than. 3. Kết luận: Ghi nhớ: SGK

Câu hỏi tu từ thường được dùng nhiều trong các văn bản nghệ thuật, có tác dụng làm cho lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc những tưởng tượng lý thú. Câu hỏi tu từ được thể hiện với hình thức nghi vấn với một dấu hỏi ở cuối câu. Câu hỏi này không cần câu trả lời mà hàm ẩn ý nghĩa như:

- Câu hỏi tu từ sẽ luôn ngầm ẩn một nội dung phán đoán phủ định hoặc khẳng định của người đặt câu hỏi.
- Người ta dùng câu hỏi tu từ nhằm mục đích khẳng định, nhấn mạnh ý mà mình muốn nói. Hoặc dùng câu hỏi tu từ theo cách ẩn dụ, nói lái đi để thể hiện ý kiến chê trách điều gì đó.
- Câu hỏi tu từ có chứa từ phủ định nhưng có nội dung khẳng định ngầm với mệnh đề tương ứng. Ngược lại, những câu không có từ phủ định nhưng nội dung lại ngầm thể hiện ý phủ định của mệnh đề tương ứng.
- Ví dụ: Câu hỏi trong hai bài thơ “ Nhớ rừng” của Thế Lữ và “ Ông đồ” của Vũ Đình Liên.

HOẠT ĐỘNG III: LUYỆN TẬP

<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc những đoạn trích trong bài tập 1 - Cho biết những câu nghi vấn đó dùng để làm gì. - Xác định câu nghi vấn và đặc điểm hình thức của nó? - Những từ gạch chân và dấu chấm hỏi ở cuối câu (chỉ có trong ngôn ngữ viết) thể hiện đặc điểm hình thức của câu nghi vấn. 	<p><u>1. Bài tập 1</u></p> <p>a) Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư ?</p> <p>b) cả khổ thơ trừ "Than ôi !"</p> <p>c) Sao ta không ngắm sự biệt li theo tâm hồn một chiếc lá nhẹ nhàng rơi ?</p> <p>d) Ôi, nếu thế thì còn đâu là quả bóng bay ?</p> <p>- Trong (a): bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự ngạc nhiên)</p> <p>- Trong (b): phủ định, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</p> <p>- Trong (c): Cầu khiến, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</p> <p>- Trong (d): phủ định, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</p> <p>Chú ý: Trong (d) có cả đặc điểm hình thức của câu cảm thán nhưng đó vẫn là câu nghi vấn.</p>
<p><u>2. Bài tập 2</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu yêu cầu bài tập - Học sinh làm bài lên bảng - Những câu nghi vấn đó được dùng làm gì. - Trong những câu nghi vấn đó, câu nào có thể thay thế được bằng một câu không phải là câu nghi vấn mà có ý nghĩa tương đương. Hãy viết những câu có ý nghĩa tương đương đó. 	<p><u>2. Bài tập 2</u></p> <p>a) "<u>Sao</u> cụ lo xa quá thế ?"; "Tội <u>gì</u> bây giờ nhin đói mà tiền để lại ?"; "ăn mãi hết đi thì lúc chết lấy gì mà lo liệu ?"</p> <p>b) Cả đàn bò giao cho thằng bé ... chăn dắt <u>làm sao</u> ?"</p> <p>c) <u>Ai</u> dám bảo thảo mộc ... mầu tử ?</p> <p>d) Thằng bé kia, mày có việc <u>gì</u> ? ;"<u>Sao</u> lại đến đây mà khóc ?"</p> <p>- Trong (a): câu 1 - phủ định; Câu 2 - phủ định; câu 3 - phủ định.</p> <p>- Trong b: bộc lộ sự băn khoăn, ngần ngại</p> <p>- Trong c: khẳng định</p> <p>- Trong d: câu 1 - hỏi; câu 2 - hỏi.</p>

HOẠT ĐỘNG IV: VẬN DỤNG

<ul style="list-style-type: none"> -Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hai câu kết bài thơ “ Ông đồ” của Vũ Đình Liên trong đó có sử dụng câu nghi vấn? - Chia sẻ kết quả chuẩn bị - Nhận xét- bổ sung ý kiến 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Đoạn văn -Nội dung: + NT: Câu hỏi tu từ... + Nội dung : Niềm thương cảm....
--	---

- GV tổng kết hoạt động	
-------------------------	--

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

Hai câu thơ kết bài thơ “ Ông đồ” của Vũ Đình Liên là câu hỏi tu từ chứa một niềm nhớ thương vời vợi. Khi bóng dáng ông đồ không còn, liệu nét chữ – “hồn” của ông – còn chăng? Những tinh hoa của giá trị tinh thần đã hoàn toàn mất hẳn? “Những người muôn năm cũ” là ông đồ, là người thuê viết hay chính là thế hệ của lớp người mới trong đó có chính nhà thơ? Dẫu là ai, câu thơ vẫn gợi lên một niềm ray rứt, ngậm ngùi. Mạch dòng cảm của người xưa và người nay được nối liền: Sự chán ngán cùng cực của ông đồ và nỗi lòng ân hận, tiếc nuối của lớp hậu sinh đã vô tình lãng quên thế hệ cha ông. ời để đánh thức dậy trong tiềm thức sâu xa của mỗi người dân Việt những nỗi niềm vọng tưởng, đánh thức dậy nỗi ân hận, day dứt nhưng cũng đồng thời nhắc nhở mọi người đừng quên lãng đi quá khứ, lãng quên đi lòng yêu nước và văn hoá dân tộc. Và có lẽ, Vũ Đình Liên không đến nỗi bảo thủ khư khư mực tàu giấy đỏ mà quan trọng hơn đó là tình cảm gắn bó và trân trọng một lớp người tài hoa, đáng kính của nhà thơ. Câu hỏi khắc khoải tình thương người và niềm hoài cổ.

HOẠT ĐỘNG V: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

- Làm bài tập 3: Gợi ý câu mẫu:

+Bạn có thể kể cho mình nghe bộ phim đó được không ?

+Lão Hạc ơi ! Sao đời lão khôn cùng đến thế ?

- Làm bài tập 4 (tr24); xem trước bài "câu cầu khiến" .

- So sánh sự khác nhau giữa thơ mới và thơ trung đại theo mẫu:

	<i>Thơ trung đại</i>	<i>Thơ mới</i>
Nghệ thuật		
Nội dung		

Tuần 21 - Tiết 78

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

LUYỆN TẬP- TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Luyện tập củng cố, nâng cao kiến thức về chủ đề. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng hệ thống, tổng hợp kiến thức.

3. Thái độ: Yêu nước, trân trọng phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc.

*** Phát triển năng lực:** giao tiếp, trình bày, giới thiệu,.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Giáo án, Phương tiện: máy chiếu, vi tính, ... hình ảnh, tư liệu

2. Học sinh: Ôn tập toàn bộ nội dung chủ đề

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC :

-Viết tích cực

IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

HOẠT ĐỘNG I: KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG II. LUYỆN TẬP

CHUYÊN MỤC: KHÁN GIẢ THÔNG MINH

-Hãy làm khán giả của chương trình “ VĂN HỌC VÀ ĐỜI SỐNG”. Chia sẻ cảm nhận của em sau khi thưởng thức chương trình ?

(1) Nghe ngâm hai bài thơ “Nhớ rừng” và “Ông đồ”.

(2) Nghe hai bài hát “ Áo trắng”- thơ Huy Cận và “ Chân quê”- thơ Nguyễn Bính.

(3) Giới thiệu phần ngâm thơ các tác phẩm của Xuân Diệu. Nghe một bài “ Gửi hương cho gió”?

- Đề tài của thơ mới:.....

-Cảm nhận về nội dung các tác phẩm thơ mới được trình bày qua giọng ngâm và giọng ca.....

-Tư tưởng, tình cảm của các tác giả gửi gắm qua thi phẩm được biểu diễn



II. ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ (20P)

1. Từ tình cảnh và tâm trạng của con hổ trong bài thơ cũng như của người dân Việt Nam đầu thế kỉ XX, em có suy nghĩ gì về cuộc sống hòa bình tự do ngày nay (trình bày khoảng một trang, trong đó có sử dụng một câu nghi vấn với chức năng khác).

Tiêu chí đánh giá:

- Gv nêu yêu cầu:

- Hình thức: (3 điểm)

+ Sử dụng phương thức nghị luận. Có sử dụng câu nghi vấn.

+ Trình bày, diễn đạt : Bố cục hợp lý, ngôn ngữ truyền cảm, hấp dẫn.

- Nội dung: (7 điểm)

+ Nêu vấn đề.

+ Khái quát tình cảnh và tâm trạng của con hổ trong bài thơ cũng như của người dân Việt Nam đầu thế kỉ XX: Cuộc sống nô lệ, tù túng, tẻ nhạt, uất hận...

+ Trân trọng cuộc sống tự do ngày nay: Người người sống trong hoà bình, ấm no, hạnh phúc.

+ Biết ơn những người đã hy sinh xương máu để giành lại độc tự do cho dân tộc.

+ Sống có trách nhiệm với bản thân và đất nước. Xây dựng cuộc sống ngày một tốt đẹp.

+...

III. HOẠT ĐỘNG BỔ SUNG

(1). Tìm hiểu thêm về phong trào thơ mới.

(2). Vận dụng tìm hiểu một số bài thơ mới:

- **Nắng mới**- Lưu Trọng Lư

- **Chợ tết** - Đoàn Văn Cừ

- **Mùa xuân chín**- Hàn Mặc Tử

-...

(4) Chuẩn bị các văn bản tiếp theo:

- Suru tầm thông tin về tác giả, tác phẩm để báo cáo (vẽ trên giấy khổ rộng hoặc thiết kế trình chiếu trên máy tính -máy chiếu).

- Đọc tài liệu tham khảo

-Trả lời các câu hỏi SGK.